

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 21/4/2023

"V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Quang Khuyển.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vương Quốc Quỳ, bà Đoàn Thị Chuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 198/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị T** - sinh năm 1994

Nơi cư trú: Thôn Đoàn P, xã T, huyện M, tỉnh D

Chỗ ở hiện nay: Số nhà 34, Ngõ 27, phố H, phường Ph, thị xã K, tỉnh D

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu T** - sinh năm 1990

Nơi cư trú: Thôn Đoàn P, xã T, huyện M, tỉnh D

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 12/12/2013. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm thường trái ngược nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn căng thẳng nhất từ tháng 9/2017, chị đã bỏ về nhà để ở. Anh T không tìm chị lần nào, hai bên gia đình có gặp nhau để bàn bạc, khuyên giải anh chị nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2017 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn, không thể tiếp tục quan hệ hôn nhân, chị xin ly hôn anh T. Việc anh T cố tình không đến Tòa án làm việc là cố tình gây khó khăn cho chị trong việc giải quyết ly hôn, chị đề nghị Tòa án nhân dân

huyện Thanh Miện giải quyết cho chị được ly hôn anh T để chị ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Hữu S, sinh ngày 14/6/2014, hiện cháu S đang ở với ông bà nội. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị được nuôi dưỡng cháu S, chị có đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành, chị tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị là lao động tự do, thu nhập bình quân từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng. Chị đang ở cùng với bố mẹ, nhà ở rộng rãi, đầy đủ tiện nghi, bố mẹ chị vẫn khoẻ mạnh, nếu chị được nuôi con bố mẹ chị sẽ tạo điều kiện cho mẹ con chị về mọi mặt để chăm sóc nuôi dưỡng cháu S.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình làm việc với Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Hữu T không hợp tác với Tòa án Tòa án đã giao các văn bản tố tụng cho gia đình anh T, ông Nguyễn Hữu Tình, bố đẻ anh T đã cam kết giao lại và thông báo các văn bản của Tòa án cho anh T biết, đồng thời niêm yết các văn bản theo quy định nhưng anh T không hợp tác, không khai báo, không cung cấp tài liệu, chứng cứ. Tòa án mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh T đều vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập họp lệ hai lần anh T đến phiên tòa nhưng anh đều không có mặt tại phiên tòa.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Trọng M (bố chị T) trình bày: Ông là bố đẻ của chị Nguyễn Thị T và là ông Ngoại của cháu Nguyễn Hữu S. Trong quá trình chung sống, chị T, anh T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Tháng 9/2017 chị T đã bỏ về ở cùng với ông bà, chị T, anh T sống ly thân từ đó không quan tâm đến nhau. Nay chị T xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Về con chung anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Hữu S, cháu hiện đang ở với ông bà nội, việc nuôi dưỡng con chung ông không can thiệp. Về tài sản, nợ chung, công sức anh T, chị T không có công sức đóng góp gì với ông bà.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Hữu T (bố anh T) trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Hữu T, là ông nội của cháu Nguyễn Hữu S, quá trình chung sống, chị T, anh T có phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Anh T đi làm ăn xa, thỉnh thoảng vẫn liên lạc về với ông bà, hiện ông không biết anh T đang làm gì, ở đâu, ông không có địa chỉ. Nay chị T xin ly hôn anh T, ông đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T. Anh chị có 01 con chung, cháu đang ở với ông bà. Ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh T nuôi dưỡng, anh T hiện không có mặt tại gia đình, ông bà sẽ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S trong thời gian anh T vắng nhà và tạo điều kiện cho bố con anh T chỗ ăn ở và giúp bố con anh T với điều kiện tốt nhất. Về tài sản, nợ chung, công sức, anh chị không có công sức đóng góp gì với ông bà.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã Thanh Tùng xác định: Anh T, chị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng, sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa phương. Anh T, chị T có xảy ra mâu thuẫn, sau khi mâu thuẫn chị T đã bỏ về nhà đẻ ở, còn việc mâu thuẫn cụ thể như thế nào, anh T đang làm gì, ở đâu địa phương không nắm được, khi chị T làm đơn xin ly hôn anh T không báo cáo nên địa phương và các đoàn thể không biết để hoà giải. Nay, chị T

xin ly hôn anh T, đề nghị Toà án căn cứ vào thực trạng mâu thuẫn của vợ chồng để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 238, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

Về con chung: Xử giao con chung cháu Nguyễn Hữu S, sinh ngày 14/6/1014 cho chị T, trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị T không đề nghị nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Hữu T; Nơi cư trú: Thôn Đoàn Phú, xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương. Chị Nguyễn Thị T nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Quá trình thu thập chứng cứ anh Nguyễn Hữu T đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh T không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh Nguyễn Hữu T vẫn vắng mặt không có lý do, chị T có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tùng, huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương ngày 12/12/2013. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, chị T xác định vợ chồng chung sống hòa thuận được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm thường trái ngược nhau, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau.

Tháng 9/2017, chị T đã bỏ về nhà đẻ ở và vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến nay. Anh T bỏ nhà đi không rõ địa chỉ, không liên lạc với chị T, chị nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục duy trì hôn nhân nên chị yêu cầu ly hôn. Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng anh T bỏ đi không liên lạc, không quan tâm đến chị T. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T cố tình giấu địa chỉ không về giải quyết. Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt, và cũng không có bản bản ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị T, anh cũng không cho gia đình, chị T và Tòa án biết hiện anh đang ở địa chỉ nào, gây khó khăn cho việc ly hôn của chị T, việc làm của anh T thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh T.

Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện đã có công văn gửi Cục Xuất nhập cảnh - Bộ Công an, ngày 08/02/2023 Cục Xuất nhập cảnh - Bộ Công an có công văn trao đổi xác định anh Nguyễn Hữu T xuất cảnh ngày 14/02/2017 và nhập cảnh ngày 02/6/2017 qua cửa khẩu Nội Bài.

Từ những đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị T, nên xử cho chị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu T là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung*: Chị T, anh T có 01 con chung là Nguyễn Hữu S, sinh ngày 14/6/1014, cháu đang ở với ông bà nội. Xét nguyện vọng của chị T mong muốn được nuôi con, anh T không hợp tác, không đến Tòa án trình bày quan điểm của mình về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T hiện là lao động tự do, thu nhập bình quân từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000đ/tháng, bố mẹ chị vẫn khoẻ mạnh sẵn sàng hỗ trợ cho chị mọi mặt để nuôi con, gia đình chị có chỗ ở rộng rãi, đầy đủ tiện nghi. Chị cam kết đảm bảo cuộc sống tốt nhất cho con. Đối với cháu S cháu đang ổn định nơi ăn chỗ ở trường lớp nhưng nguyện vọng của cháu mong muốn được ở với mẹ, chị T cũng có nguyện vọng nuôi con. Hiện tại anh T không có mặt tại gia đình và địa phương, không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu S, việc nuôi dưỡng cháu S là do ông bà nội cháu chăm sóc. Để đảm bảo cho việc phát triển về thể chất, tinh thần của cháu S, vì vậy chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị T, Hội đồng xét xử: Giao cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Nguyễn Hữu S. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị T không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Hữu T.

2- *Về con chung*: Xử giao con chung là cháu Nguyễn Hữu S, sinh ngày 14/6/1014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Nguyễn Hữu T cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3- *Về tài sản, nợ chung, công sức*: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai số AA/2021/0000885 ngày 07/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị T đã nộp đủ án phí.

4- *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Thanh Tùng;
- (để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyến

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Đào Quang Khuyến